

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

**THÁNG 04/2020**



**MỤC LỤC**

|       |                                                                                  |    |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------|----|
| I.    | Thông tin chung .....                                                            | 2  |
| 1.    | Thông tin khái quát .....                                                        | 2  |
| 2.    | <i>Quá trình hình thành và phát triển</i> .....                                  | 2  |
| 3.    | <i>Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</i> .....                                    | 6  |
| 4.    | <i>Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý</i> ..... | 9  |
| 5.    | <i>Định hướng phát triển</i> .....                                               | 11 |
| 5.1   | <i>Định hướng phát triển của Công ty</i> .....                                   | 11 |
| 5.2   | <i>Định hướng phát triển của Công ty</i> .....                                   | 11 |
| 6.    | <i>Các rủi ro trong quá trình hoạt động</i> .....                                | 14 |
| 6.1.  | <i>Rủi ro chung về kinh tế</i> .....                                             | 14 |
| 6.2.  | <i>Rủi ro về pháp luật</i> .....                                                 | 15 |
| 6.3.  | <i>Rủi ro đặc thù</i> .....                                                      | 16 |
| II.   | Tình hình hoạt động trong năm.....                                               | 18 |
| 1.    | <i>Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh</i> .....                             | 18 |
| 2.    | <i>Tổ chức và nhân sự</i> .....                                                  | 18 |
| 3.    | <i>Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án</i> .....                     | 28 |
| 4.    | <i>Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu</i> .....                  | 29 |
| III.  | Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:.....                                       | 34 |
| IV.   | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty .....                    | 37 |
| V.    | Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty trong năm 2019 .....     | 38 |
| VI.   | Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....                              | 38 |
| VII.  | Về vấn đề Quản trị công ty .....                                                 | 39 |
| VIII. | Ban Kiểm soát.....                                                               | 41 |
| IX.   | Báo cáo tài chính năm 2019 và Báo cáo tài chính năm 2019 hợp nhất .....          | 42 |
| a.    | <i>Ý kiến kiểm toán</i> .....                                                    | 42 |
| b.    | <i>Báo cáo tài chính được kiểm toán:</i> .....                                   | 42 |

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM**

*Năm báo cáo: 2019*

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

|                           |                                                                          |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Tên giao dịch             | : CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM                                     |
| Giấy chứng nhận Đăng ký   | : 0101515686 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế                         |
| Doanh nghiệp              | hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27/03/2018                     |
| Vốn điều lệ               | : 525.000.000.000 đồng                                                   |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | : 525.000.000.000 đồng                                                   |
| Địa chỉ                   | : Tầng 3 tòa nhà FLC Landmark Tower, phường Mỹ Đình                      |
|                           | 2, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.                                         |
| Số điện thoại             | : 0243 787 1395                                                          |
| Số fax                    | : 0243 787 0892                                                          |
| Website                   | : <a href="http://www.thanhnamgroup.com.vn">www.thanhnamgroup.com.vn</a> |
| Mã cổ phiếu               | : TNI                                                                    |

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty Cổ Phần Tập đoàn Thành Nam - Thành Nam Group tiền thân là Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thành Nam, được thành lập vào ngày 15 tháng 07 năm 2004. Ban đầu với số vốn điều lệ 500 triệu đồng, số cán bộ nhân viên dưới mười người, ngành nghề chính là sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí, buôn bán các loại sắt thép, thép không gỉ, kim loại màu, thép đặc chủng, vận tải hàng hóa.

Năm 2008, Công ty TNHH XNK Thành Nam đạt danh hiệu Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2008; doanh số xuất khẩu đạt 160 tỷ đồng.

Năm 2009 Thành Nam đã mạnh dạn đầu tư thêm vốn, vốn điều lệ tăng lên thành 50 tỷ đồng, công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thành Nam đổi tên thành Công ty Cổ Phần Xuất Nhập khẩu Thành Nam. Đồng thời, trong cùng năm này, công ty mở rộng địa bàn hoạt động, thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nắm bắt được nhu cầu phát triển ngày càng cao của ngành sản xuất, gia công thép không gỉ, năm 2010 công ty quyết định khởi công xây dựng NHÀ MÁY GIA CÔNG INOX THÀNH NAM, mục tiêu của dự án: Gia công cắt xẻ inox và sản xuất ống inox, quy

mô gia công cắt xé: 60.000 tấn/năm, quy mô sản xuất ống inox: 1200 tấn/năm. Dự án được thực hiện tại Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên với diện tích 22.788 m<sup>2</sup>, vốn đầu tư lên đến 69 tỷ đồng. Cũng trong năm 2010, Công ty Cổ Phần Xuất Nhập khẩu Thành Nam đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam và tăng vốn điều lệ lên 70 tỷ đồng.

Năm 2011, Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam tiếp tục thành lập chi nhánh tại Bình Dương để mở rộng hoạt động sản xuất – kinh doanh, hoàn thành và đưa vào hoạt động Nhà máy gia công Inox Thành Nam tại Hưng Yên.

Năm 2012, trong khi tình hình thị trường trong nước và thế giới gặp rất nhiều khó khăn, Thành Nam quyết tâm vượt qua cơn bão khủng hoảng, đầu tư thêm 30 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng, sản phẩm thép của Tập đoàn Thành Nam đã có mặt ở hơn 20 nước trên thế giới, tập trung chủ lực ở các quốc gia như: Ấn Độ, Ukraine, Nga, Mỹ, Hàn Quốc, Pakistan...

Trải qua hơn 10 năm phấn đấu không ngừng, Thành Nam từ một doanh nghiệp quy mô nhỏ nay đã trở thành một Tập đoàn lớn.

Tháng 05/2017, Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam chính thức niêm yết lên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/05/2017. Cũng trong năm 2017, Tập đoàn Thành Nam tiếp tục chào bán cổ phiếu ra công chúng theo chủ trương đã được ĐHCĐ thông qua.

Tháng 03/2018, Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam hoàn tất thủ tục chào bán, báo cáo kết quả chào bán với Ủy ban chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời hoàn thiện thủ tục thay đổi nội dung Đăng ký Doanh nghiệp. Tới ngày 27/03/2018, tổng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam là 525 tỷ đồng - minh chứng cho sự lớn mạnh không ngừng của công ty và sự cố gắng nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên Thành Nam.

Ngày 13/07/2019, Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam đã long trọng tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 15 năm ngày thành lập (15/07/2004-15/07/2019). Đây là một bước ngoặt quan trọng của Tập đoàn Thành Nam và toàn bộ cán bộ công nhân viên công ty. Sự kiện này đã ghi dấu bước trưởng thành của Tập đoàn Thành Nam sang một giai đoạn mới phát triển hơn.

Tính đến nay, trải qua lịch sử hoạt động 15 năm, con số không dài nhưng cũng đủ để trải qua nhiều thăng trầm trên chặng đường phát triển. Mỗi bước ngoặt là một dấu mốc khó quên với Tập đoàn, với toàn thể cán bộ nhân viên công ty. Tập đoàn Thành Nam sẽ phấn đấu

không mệt mỏi để xây dựng công ty ngày một lớn mạnh, góp phần vào mục tiêu trở thành Tập đoàn đa quốc gia hàng đầu châu Á và đem lại lợi ích tối đa cho đối tác, khách hàng, người tiêu dùng trong nước và quốc tế

**❖ Quá trình tăng vốn kể từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần**

Cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, Công ty ngày càng phát triển mạnh hơn và đã triển khai nhiều dự án lớn. Để đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động của mình, Tập đoàn Thành Nam đã tăng vốn điều lệ 05 lần từ số vốn ban đầu 50 tỷ đồng lên 525 tỷ đồng như ngày hôm nay. Chi tiết các lần tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

**Bảng tổng hợp quá trình tăng vốn**

*Đơn vị: tỷ đồng*

| Thời gian | Vốn ĐL phát hành thêm | Vốn ĐL sau phát hành | Hình thức phát hành | Cơ sở pháp lý                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----------|-----------------------|----------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 05/2010   | 20                    | 70                   | Phát hành riêng lẻ  | Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Số 02/NQ/TN ngày 25 tháng 01 năm 2010 về việc bổ sung vốn điều lệ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thành Nam.<br>Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103039166 thay đổi lần 01 ngày 17/05/2010 với số vốn điều lệ 70 tỷ đồng              |
| 04/2012   | 30                    | 100                  | Phát hành riêng lẻ  | Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 27-02/NQ-TNI ngày 27/02/2012<br>Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103039166 thay đổi lần 04 ngày 13/04/2012 với số vốn điều lệ 100 tỷ đồng                                                                 |
| 10/2014   | 100                   | 200                  | Phát hành riêng lẻ  | Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 23-07/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/07/2014<br>Nghị quyết HĐQT số 27-09/2014/NQ-HĐQT-TN ngày 27/09/2014<br>Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0101515686 thay đổi lần 09 ngày 10/10/2014 với vốn điều lệ 200 tỷ đồng |

|         |     |     |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|---------|-----|-----|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 02/2017 | 10  | 210 | Phát hành<br>cổ phiếu<br>trả cổ tức                   | <p>Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TN kèm Tờ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 số 01/TTr-HĐQT-TNI ngày 12/05/2016</p> <p>Nghị quyết HĐQT số 04/NQ-HĐQT-TN ngày 16/06/2016</p> <p>Công văn số 5220/UBCK-QLCB ngày 10/08/2016 của UBCKNN chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của CTCP Tập đoàn Thành Nam</p> <p>Công văn số 690/UBCK-QLCB ngày 09/02/2017 của UBCKNN chấp thuận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TNI</p> <p>Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0101515686 thay đổi lần 11 ngày 20/02/2017 với vốn điều lệ 210 tỷ đồng</p>                                                                                                                                                                                                                   |
| 03/2018 | 315 | 525 | Phát hành<br>cổ phiếu<br>chào bán<br>ra công<br>chúng | <p>Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 03/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/09/2017 kèm tờ trình số 12/2017/TTr-ĐHĐCĐ về phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty</p> <p>Nghị quyết số 22/2017/QĐ-HĐQT ngày 29/09/2017 về triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty.</p> <p>Nghị quyết số 1311/2017/QĐ-HĐQT ngày 13/11/2017 về việc thông qua kế hoạch triển khai thực hiện dự án đầu tư và điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần.</p> <p>Nghị quyết số 005/2018/NQ-HĐQT-TN ngày 08/03/2018 về việc thông qua kế hoạch triển khai thực hiện dự án đầu tư và điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu.</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 87/GCN-UBCK ngày</p> |

|  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|--|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  |  | <p>21/12/2017.</p> <p>Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 1387/UBCK-QLCB ngày 08/03/2018 về việc chấp thuận kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của TNI.</p> <p>Giấy chứng nhận lưu ký bổ sung số 37/2015/GCNCP-VSD-2 ngày 05/04/2018 về việc lưu ký bổ sung số cổ phần chào bán thêm.</p> <p>Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0101515686 thay đổi lần thứ 13 ngày 27/03/2018 với vốn điều lệ 525 tỷ đồng.</p> |
|--|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### 3.1. Ngành nghề kinh doanh

- Chuẩn bị mặt bằng
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (Chi tiết: Quán rượu, bia, quầy bar, Dịch vụ phục vụ đồ uống khác)
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Không bao gồm đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất)
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột)
- Trồng lúa
- Trồng cây lấy sợi
- Trồng cây ăn quả (Chi tiết: Trồng cây ăn quả; Trồng nho; Trồng xoài, cây ăn quả vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới; Trồng cam, quýt và các loại quả có múi khác; Trồng táo, mận và các loại quả có hạt như táo; Trồng nhãn, vải, chôm chôm; Trồng cây ăn quả khác; Trồng cây lấy quả chứa dầu; Trồng cây điều; Trồng cây hồ tiêu; Trồng cây cao su; Trồng cây cà phê; Trồng cây chè)
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu
- Trồng cây lâu năm khác
- Chăn nuôi ngựa, lừa, la

- Chăn nuôi dê, cừu
- Chăn nuôi gia cầm (Chi tiết: Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm; Chăn nuôi gà; Chăn nuôi vịt, ngan, ngỗng; Chăn nuôi gia cầm khác)
- Lắp đặt hệ thống điện
- Bán buôn gạo
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh
- Chăn nuôi trâu, bò
- Quảng cáo
- Điều hành tua du lịch
- Chăn nuôi lợn
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Bán buôn tổng hợp
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng mà công ty kinh doanh)
- Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác
- Trồng cây lấy củ có chất bột
- Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây; Bán buôn động vật sống; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa); Bán buôn gạo, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc láo)
- Dịch vụ đóng gói
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại

- Đại lý du lịch
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú
- Trồng cây hàng năm khác
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Buôn bán máy móc, thiết bị vật tư trong lĩnh vực công nghiệp, cơ kim khí và xây dựng)
- **Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản: Khai thác cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa)**
- Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Chi tiết: Vận tải hàng hóa; Dịch vụ vận tải hàng hoá)
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông)
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Chi tiết: Bán buôn ô tô, xe máy)
- Đại lý, môi giới, đấu giá (Chi tiết: Môi giới thương mại; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa)
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Dịch vụ khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar))
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Dịch vụ nhà hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường))
- Sản xuất máy thông dụng khác (Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị vật tư trong lĩnh vực công nghiệp, cơ kim khí và xây dựng)
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp)
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Bán buôn các loại sắt thép)
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất gia công các loại sản phẩm cơ khí)
- Cho thuê xe có động cơ (Chi tiết: Cho thuê ô tô, cho thuê xe có động cơ khác)
- Trồng cây mía
- Trồng cây thuốc lá, thuốc lào
- Xây dựng nhà các loại
- Phá dỡ
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

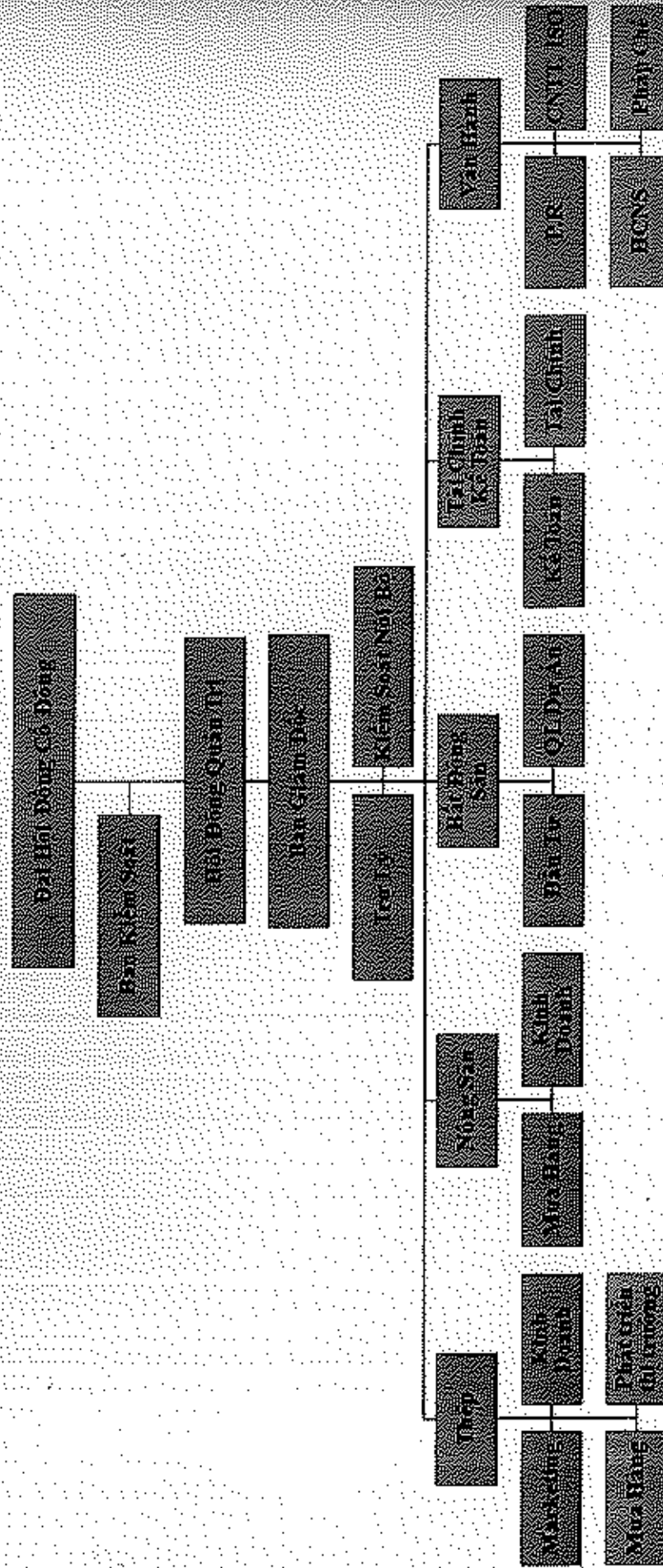
### 3.2. Địa bàn kinh doanh

- Địa bàn kinh doanh
  - + Thị trường nội địa: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và một số tỉnh khác.
  - + Thị trường nước ngoài: Hàn Quốc
- Tình hình hoạt động: Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực thép, thép không gỉ và các dịch vụ gia công cắt tấm, xẻ băng thép không gỉ (inox). Ngoài ra, công ty Thành Nam cũng cung cấp các dịch vụ gia công khác như: chia cuộn, phủ giấy lót khi cắt tấm, xẻ băng, phủ PVC, PE một mặt hoặc hai mặt cho nguyên liệu tấm hoặc băng xẻ, cắt tấm có giấy lót....Năm 2019 công ty giữ vững tốc độ phát triển cao, đảm bảo thực hiện tốt chế độ đãi ngộ với người lao động, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm nâng uy tín và hình ảnh công ty trên thị trường. Thành Nam Group là một trong những đơn vị chuyên gia công cắt xẻ kim loại lớn nhất miền Bắc.

#### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

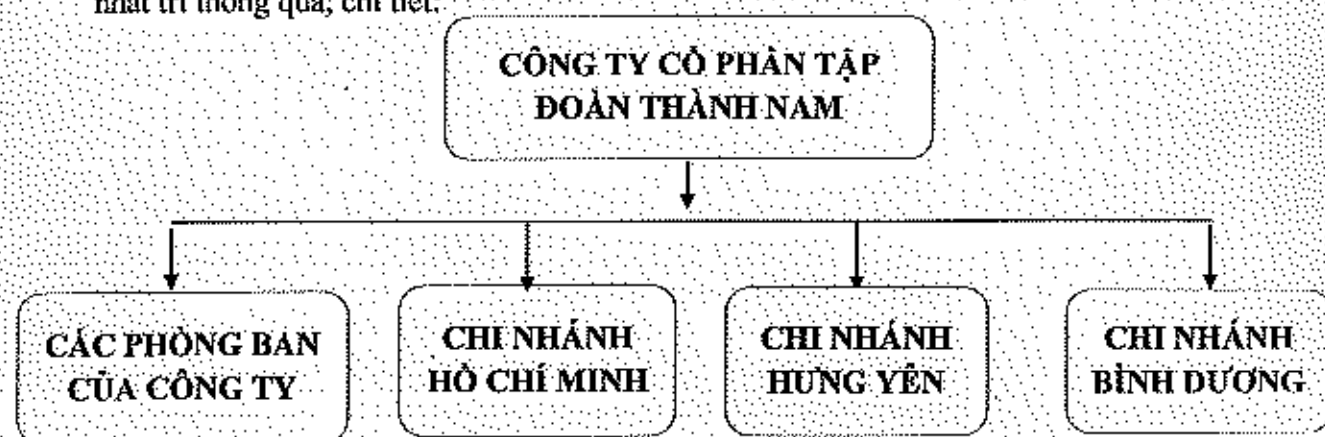
##### **4.1. Mô hình quản trị (trang bên):**

Mô hình quản trị của công ty như sau: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát; Ban Giám đốc; Các phòng ban chức năng.



#### 4.2. Cơ cấu tổ chức và quản lý:

Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các Luật khác và Điều lệ công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua, chi tiết:



- **Trụ sở chính - Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam:**

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà FLC Landmark Tower, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 0243 787 1395

Fax: 0243 787 0892

- **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: Phòng J8-6 Khu phố sky garden 1, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

- **Chi nhánh Hưng Yên**

Địa chỉ: Tổ dân phố Tứ Mỹ, Phường Phùng Chí Kiên, Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 01653612345

- **Chi nhánh Bình Dương**

Địa chỉ: Số 185 Đường ĐT 743, Khu phố Chiêu Liêu, Phường Tân Đông Hiệp, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

#### 5. **Định hướng phát triển**

##### 5.1. *Định hướng phát triển của Công ty*

❖ **Mục tiêu:**

- Trở thành tập đoàn sản xuất công nghiệp và kinh doanh đa ngành, đa quốc gia, đa giá trị lợi ích và có bản sắc văn hóa riêng.

- Cung cấp sản phẩm dẫn đầu, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và đạt được sự tin yêu của quý khách hàng.
- Khẳng định thương hiệu nhà cung cấp thép chuyên nghiệp, uy tín tại Việt Nam và quốc tế.
- Mở rộng thị trường quốc tế, nâng cao tỷ trọng doanh thu xuất khẩu trong tổng doanh thu của Tập đoàn.

❖ **Chiến lược phát triển của Công ty trung và dài hạn:**

Năm 2019, thị trường thép thế giới được dự báo sẽ có nhiều biến động lớn khi chứng kiến thế trận khó lường của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung. Hàng loạt diễn biến bất ổn khiến kinh tế thế giới rơi vào tình trạng “mất đà”, kể cả các nền kinh tế lớn nhất như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản...đều suy giảm rõ nét. Điều này đã tác động không nhỏ đến thị trường thép trong nước. Vì vậy, ngành thép sẽ phải đối mặt với nhiều thử thách, nổi bật với những vấn đề sau:

- Giá thép biến động liên tục, khó giữ được mức ổn định và gây ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của các doanh nghiệp ngành thép.
- Các thị trường thép lớn trên thế giới liên tục gia tăng các biện pháp phòng vệ thương mại, đặt ra các hàng rào thuế quan, bảo hộ sản xuất trong nước nên gây ra nhiều khó khăn cho hoạt động xuất khẩu.
- Các doanh nghiệp tăng cường đầu tư công nghệ và mở rộng sản xuất tăng công suất sẽ dẫn đến khả năng dư thừa nguồn cung, đẩy các doanh nghiệp vào cuộc cạnh tranh về giá làm giảm lợi nhuận.

Trước những nhận định trên về tình hình thị trường năm 2019, HĐQT và Ban Giám đốc công ty đã đề ra những định hướng chiến lược cho hoạt động kinh doanh trung và dài hạn như sau:

• **Đối với hoạt động sản xuất:**

- Cải tiến và hoàn thiện quy trình sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả và tối ưu chi phí sản xuất.
- Tăng cường theo dõi chặt chẽ và đảm bảo an toàn vận hành đối với hoạt động của dây chuyền máy móc sản xuất.
- Tập trung cải tiến kỹ thuật, nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu thị trường và đa dạng hóa danh mục sản phẩm của công ty.

- Đảm bảo khai thác hiệu quả hệ thống dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.
- **Đối với hoạt động kinh doanh thương mại:**

***Thị trường nội địa:***

Công ty tiếp tục phát triển mở rộng cấu trúc sản phẩm với nhiều nhóm sản phẩm mới như: Thép đen, thép mạ, thép kỹ thuật điện (silic), thép kết cấu và các loại thép chuyên dụng khác. Với việc phát triển nhiều dòng sản phẩm mới đã giúp công ty đa dạng hóa được danh mục sản phẩm và tăng khả năng khai thác nhiều phân khúc thị trường đang có sự tăng trưởng mạnh trong hiện tại và tương lai.

***Thị trường xuất khẩu:***

Công ty tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thương mại xuất nhập khẩu hàng hóa như sắt thép, inox và các loại nguyên phụ liệu ngành thép, chủ động hơn nữa về nguồn cung hàng hóa, tăng cường giao dịch với khách hàng truyền thống, mở rộng tìm kiếm khách hàng tiềm năng. Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng trong khu vực (xuất khẩu thép thành phẩm và bán thành phẩm), chủ động trong việc thanh toán bằng ngoại hối để chủ động nguồn ngoại tệ.

Thành lập các văn phòng đại diện của Thành Nam tại các quốc gia có năng lực sản xuất thép lớn để trở thành đại diện phân phối của các hãng thép.

***Dịch vụ gia công:*** Tập trung vào gia công cắt, xẻ sản phẩm.

Định hướng phát triển lâu dài của Công ty là đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất – Trung tâm gia công kim loại Thành Nam tại Hưng Yên. Đầu tư dây chuyền máy móc, công nghệ để nâng cao năng lực sản xuất cho các dịch vụ cắt tấm, xẻ băng để phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu gia công kim loại của thị trường Việt Nam và quốc tế.

Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 vào hoạt động sản xuất và kinh doanh để nâng cao chất lượng dịch vụ bằng nhiều giải pháp mới nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng tốt nhất.

Tập trung các nguồn lực vào mảng hoạt động mà Công ty có lợi thế cạnh tranh, đó là xuất nhập khẩu và phân phối thép không gỉ đồng thời đặt ra chiến lược phát triển theo hướng chú trọng về chiều sâu, tập trung vào các mảng sản phẩm có hàm lượng công nghệ lớn, đem lại giá trị gia tăng cao, phù hợp với lợi thế ngành và lợi thế Công ty. Bên cạnh việc củng cố vị thế trên thị trường nội địa, Công ty sẽ không ngừng mở rộng thị trường tại

các nước như Châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, HongKong... Ngoài ra, Tập đoàn Thành Nam cũng luôn chú trọng đến những mối quan hệ kinh doanh quốc tế với các nhà cung cấp đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Trung Quốc nhằm đem lại lợi thế tối đa cho mình.

- **Đối với hoạt động xây dựng thương hiệu:**

Đẩy mạnh hoạt động quảng bá thương hiệu, định vị thương hiệu nhằm xây dựng thương hiệu Thành Nam trở thành một thương hiệu mạnh và thân thiện.

- **Đối với hoạt động phát triển nguồn nhân lực:**

Tập trung vào công tác tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh tổ chức hoạt động đào tạo để nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng công việc và kinh nghiệm triển khai công việc. Từ đó, phát triển đội ngũ cán bộ kế thừa, xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp, trình độ chuyên môn cao và phù hợp với văn hóa Thành Nam.

## *5.2. Cam kết gìn giữ và bảo vệ Môi trường*

### **CAM KẾT GÌN GIỮ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

#### **VÌ MỘT MÔI TRƯỜNG XANH – BỀN VỮNG**

- Ưu tiên sử dụng những công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường với mục tiêu hiệu quả, tiết kiệm, áp dụng các sáng kiến nhằm tối ưu công suất và giảm thiểu tác hại đến môi trường.
- Đẩy mạnh đầu tư hệ thống kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường; cải thiện chất lượng môi trường tại nhà máy cũng như trong cộng đồng.
- Cam kết thúc đẩy các hoạt động nâng cao ý thức của người lao động về giữ gìn và bảo vệ môi trường xanh và bền vững.
- Cam kết sử dụng năng lượng tiết kiệm, không lãng phí các nguồn tài nguyên.

## **6. Các rủi ro trong quá trình hoạt động:**

### *6.1. Rủi ro chung về kinh tế*

Leo thang căng thẳng của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc cùng hàng loạt các cuộc điều tra, áp thuế phòng vệ thương mại của các quốc gia trên thế giới trong thời gian qua đã, đang và sẽ có những tác động và ảnh hưởng nhất định tới các ngành sản xuất trong nước. Theo Hiệp hội thép Việt Nam, mặc dù thời gian qua, ngành thép Việt Nam đã có những chuyển biến về chất và lượng với mức tăng trưởng khá nhanh. Song hàng năm,

ngành này vẫn phải nhập khẩu một lượng lớn thép thành phẩm và bán thành phẩm từ Trung Quốc chiếm hơn 50% trong tổng lượng thép nhập khẩu.

Với ngành thép hiện tại, ảnh hưởng trực tiếp từ các biện pháp phòng vệ thương mại và thương chiến Mỹ - Trung chưa nhiều nhưng về lâu dài, khi sức ép về xuất khẩu thép của Trung Quốc gia tăng, có thể sẽ khiến các sản phẩm cán nguội, các loại tôn... nhập vào Việt Nam ồ ạt hơn, ảnh hưởng đến thị trường trong nước. Hơn thế, thời hạn thuế chống bán phá giá sẽ đáo hạn vào ngày 22-3-2020, dẫn đến rủi ro sản phẩm thép giá rẻ Trung Quốc tràn ngập thị trường Việt Nam. Trong đó, Việt Nam là thị trường nhập khẩu thép Trung Quốc đứng thứ 2 chỉ sau Hàn Quốc, chiếm 10% tổng sản lượng xuất khẩu của quốc gia này.

Điều này sẽ tạo sự cạnh tranh mạnh mẽ với thép Việt Nam, gây khó khăn cho việc tiêu thụ sản phẩm của ngành thép trong nước. Đồng thời, một phần nào đó sẽ "đội lốt" hàng Việt để tránh thuế, xuất khẩu sang các nước thứ 3.

Bên cạnh đó, dự tăng trưởng chậm lại của thị trường bất động sản và xây dựng trong năm 2019 cũng là một trong những rủi ro khác cho các doanh nghiệp thép. Nguyên nhân là do chủ trương siết lại nguồn vốn tín dụng chảy vào bất động sản, cộng thêm chính sách siết chặt lại khâu cấp phép các dự án ở các thành phố lớn sẽ làm suy giảm lượng các dự án chào bán ra thị trường.

Tuy nhiên, theo đánh giá trong lĩnh vực chuyên môn, vẫn còn một số cơ hội cho các doanh nghiệp thép tận dụng, cụ thể: Hiệp định thương mại CP TPP sẽ mở ra cơ hội gia tăng xuất khẩu vào một số thị trường lớn. Đồng thời một số dự án hạ tầng trọng điểm có thể được khởi công trong năm hay sự mở rộng đầu tư của nhiều hãng ô tô nội địa sẽ mang lại cơ hội gia tăng tiêu thụ thép.

## **6.2. Rủi ro về chính sách pháp luật**

Là Công ty cổ phần do vậy hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Việc thường xuyên thay đổi, điều chỉnh chính sách, các văn bản pháp luật và dưới luật ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

Thời gian qua hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng tích cực và thuận lợi cho doanh nghiệp, giúp cho Công ty có hướng đi đúng

và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Có thể kể đến một số thay đổi đáng kể như sự ra đời của Luật Doanh Nghiệp 2014 hay việc cắt giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 25% xuống còn 22% và 20%, ... Những thay đổi này một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của Công ty, mặt khác cũng đặt ra các yêu cầu nhằm bảo đảm việc theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả.

Để kịp thời cập nhật, nắm bắt các quy định mới của pháp luật, Tập đoàn cũng tập trung xây dựng và phối hợp với các bộ phận chuyên môn như Phòng pháp chế, Phòng Kiểm soát nội bộ, Phòng Tài chính - Kế toán với chức năng nhiệm vụ tổng hợp thông tin, thường xuyên cập nhật và hướng dẫn, tư vấn pháp lý cho các bộ phận chuyên môn khác về sự thay đổi quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh. Đồng thời đưa ra những tư vấn kịp thời cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc để ra những quyết định phù hợp. Ngoài ra, các phòng ban chuyên môn còn trực tiếp tham gia rà soát văn bản, hợp đồng, công văn trong các hoạt động, giao dịch hàng ngày của Tập đoàn nhằm hạn chế các rủi ro liên quan.

### **6.3. Rủi ro đặc thù**

Với ngành nghề chính là sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí, buôn bán các loại sắt thép, thép không gỉ, kim loại màu, thép đặc chủng..., hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi những rủi ro đặc thù của ngành sản xuất thép.

#### **Rủi ro cạnh tranh**

Năm 2019, khối lượng thép nhập khẩu từ Trung Quốc tăng cao còn khiến thép Việt Nam có nguy cơ bị thép Trung Quốc dội lốt để xuất khẩu, từ đó các doanh nghiệp chịu rủi ro từ xu hướng gia tăng chính sách bảo hộ. Thực tế, hàng loạt vụ điều tra, áp thuế chống bán phá từ Mỹ, Canada, EU, Indonesia, Thái Lan, Ấn Độ... trong thời gian qua đã khiến xuất khẩu thép của Việt Nam gặp nhiều khó khăn, nhất là với các doanh nghiệp tồn ma, bởi tỷ trọng xuất khẩu lên đến 40 - 50% sản lượng tiêu thụ. Cùng với đó, giá thép giảm do nhu cầu và xu hướng giá toàn cầu giảm.

Bên cạnh mức tăng trưởng chậm, tình hình xuất khẩu sắt thép cũng được dự báo gặp không ít khó khăn do thị trường xuất khẩu đang dần bị thu hẹp, áp lực cạnh tranh về giá ngày càng gay gắt ngay ở khu vực Đông - Nam Á khi các nhà máy thép trên thế giới

đang dẫn đầu thị trường xuất khẩu. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính), xuất khẩu sắt thép năm 2019 đạt hơn 6,6 triệu tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 4,2 tỷ USD, tăng 6,6% về lượng, nhưng giảm 7,4% về kim ngạch và 13,2% về giá so cùng kỳ năm 2018. Trong đó, các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam vẫn là khu vực ASEAN với 63%, tiếp đến là Mỹ, Hàn Quốc, Trung Quốc và Nhật Bản.

Bước sang năm 2020, theo đánh giá của Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), dự báo tăng trưởng sản xuất của thép Việt Nam vẫn đạt khoảng 6-8%. Tuy nhiên đây sẽ là năm mà ngành thép Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, xuất phát từ một số nguyên nhân như dư thừa công suất ngày càng lớn ngay trong nội địa; ảnh hưởng của thương mại quốc tế cùng chính sách bảo hộ tiếp tục gia tăng không chỉ ở thị trường Hoa Kỳ mà còn ở nhiều quốc gia khác. Ngoài ra, xu hướng gia tăng đầu tư của Trung Quốc vào lĩnh vực này tại các nước trong khu vực Đông Nam Á dẫn tới khối lượng sản xuất thép trong khu vực tiếp tục gia tăng... Đặc biệt, ngay từ đầu năm, dịch Covid-19 đã tác động mạnh đến ngành thép trong nước cả ở sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Bên cạnh sức ép về giá cả, các doanh nghiệp sản xuất thép trong nước còn phải đối mặt với nạn hàng giả, hàng nhái hoành hành. Với cách thức làm giả ngày càng tinh vi, khả năng giống với hàng chính hãng lên đến 90%, người mua hàng khó có thể phát hiện đâu là thật, đâu là giả.

#### **Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu**

Trong hoạt động sản xuất thép, chi phí nguyên vật liệu xây dựng thường chiếm tỷ lệ lớn trong tổng chi phí về giá vốn, chính vì vậy biến động nguyên vật liệu là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt đối với các doanh nghiệp thép ở Việt Nam nói chung và TNI nói riêng, một tỷ trọng lớn nguyên liệu đến từ nguồn cung nhập khẩu khiến cho doanh nghiệp phải chịu thêm cả rủi ro tỷ giá.

Để hạn chế bất cập này, hiện nay các doanh nghiệp đã cố gắng đàm phán để ký hợp đồng nhập khẩu với điều khoản phòng ngừa biến động tỷ giá. Tuy nhiên do vị thế thương mại cũng như sản lượng nhập khẩu thấp so với các nước khác trên thế giới, khả năng đạt được các điều khoản có lợi là không cao. Các doanh nghiệp khác khi tính đến việc sử dụng các công cụ tài chính phái sinh cũng đang gặp phải không ít khó khăn do thị trường chứng khoán phái sinh ở Việt Nam chưa thực sự phát triển.

#### **Rủi ro khác**

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động lãi suất, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu thực hiện trong năm 2019 như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

| STT | Chỉ tiêu                           | Kế hoạch<br>2019 | Thực hiện<br>2019 | %TH/KH |
|-----|------------------------------------|------------------|-------------------|--------|
| 1   | Doanh thu                          | 1,850            | 1,827             | -1,2%  |
| 2   | Lợi nhuận sau thuế                 | 17,6             | 17,9              | 1,7%   |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,85%            | 1%                | 17,6%  |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu  | 3,01%            | 3,1%              | 3%     |
| 5   | Tỷ lệ cổ tức dự kiến (%)           | -                | -                 | -      |

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### 2.1. Danh sách Ban điều hành (cập nhật tới thời điểm 31/12/2019)

##### 2.1.1 Ông Nguyễn Hùng Cường - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty

HỌ TÊN:

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

SỐ CMND:

001077000526 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 01/07/2013

GIỚI TÍNH:

Nam

NGÀY THÁNG NĂM SINH:

26/05/1977

NƠI SINH:

Hà Nội

QUỐC TỊCH:

Việt Nam

DÂN TỘC:

Kinh

|                                                  |                                                             |
|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ:                              | Khu dân cư Phú Mỹ, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội |
| TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA:                                | 12/12                                                       |
| TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN:                             | Cử nhân kinh tế -Đại học Ngoại Thương                       |
| CHỨC VỤ HIỆN NAY TẠI TỔ CHỨC NIÊM YẾT:           | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc công ty Tập đoàn Thành Nam |
| CHỨC VỤ ĐANG NẪM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC:           | Không                                                       |
| TỶ LỆ SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN CÁ NHÂN:                | 3.481.000 CP (tương đương 6,63 %)                           |
| TỶ LỆ SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN: | 648.890 CP (tương đương 1,236%)                             |
| HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT:                       | Không                                                       |
| CÁC KHOẢN NỢ ĐỐI VỚI CÔNG TY:                    | Không                                                       |
| LỢI ÍCH CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI TỔ CHỨC NIÊM YẾT    | Không                                                       |
| <b>QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC</b>                        |                                                             |

|                  |                                                                 |                        |
|------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------|
| 2004 - 3/2015    | CTCP Tập đoàn Thành Nam                                         | Chủ tịch HĐQT – TGD    |
| 3/2015 – 10/2017 | CTCP Tập đoàn Thành Nam                                         | Chủ tịch HĐQT          |
| 10/2017 - NAY    | CTCP Tập đoàn Thành Nam                                         | Chủ tịch HĐQT kiêm TGD |
| 5/2012 - 09/2014 | Công ty TNHH Inox Thành Nam                                     | Chủ tịch công ty       |
| 10/2014 – 6/2017 | CTCP Inox Thành Nam (chuyển đổi từ Công ty TNHH Inox Thành Nam) | Chủ tịch HĐQT          |

**2.1.2. Bà Lê Thị Thu Thanh – Thành viên HĐQT – Giám đốc văn phòng**

|            |                                            |
|------------|--------------------------------------------|
| HỌ TÊN:    | LÊ THỊ THU THANH                           |
| SỐ CMND:   | 013399796 do CA Hà Nội cấp ngày 02/04/2011 |
| GIỚI TÍNH: | Nữ                                         |

|                                                  |                                                                                             |
|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| NGÀY THÁNG NĂM SINH:                             | 22/12/1981                                                                                  |
| NƠI SINH:                                        | Hải Dương                                                                                   |
| QUỐC TỊCH:                                       | Việt Nam                                                                                    |
| DÂN TỘC:                                         | Kinh                                                                                        |
| ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ:                              | 12 Ngõ 291 Lạc Long Quân, Tổ 6, phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam. |
| TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA:                                | 12/12                                                                                       |
| TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN:                             | Cử nhân Quản trị kinh doanh                                                                 |
| CHỨC VỤ HIỆN NAY TẠI CÔNG TY ĐẠI CHỨNG:          | Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Thành Nam                                                     |
| TỶ LỆ SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN CÁ NHÂN:                | 200 CP, chiếm 0,00038% vốn điều lệ                                                          |
| TỶ LỆ SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN: | 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ                                                                  |
| HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT:                       | Không                                                                                       |
| CÁC KHOẢN NỢ ĐỐI VỚI CÔNG TY:                    | Không                                                                                       |
| LỢI ÍCH CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHỨNG   | Không                                                                                       |

**Quá trình công tác:**

|                   |                                              |                                                         |
|-------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 9/2004 – 2/2011   | CTCP Tập đoàn HIPT                           | Trưởng phòng Xuất – Nhập khẩu<br>Trợ lý Ban giám đốc    |
| 03/2011 – 05/2012 | Công ty TNHH MTV<br>Infinity Marketing 2009  | Trưởng phòng Quản trị và Kế toán                        |
| 06/2012 – 04/2016 | CTCP Tập đoàn HIPT                           | Chánh văn phòng<br>Điều hành quan hệ đối tác kinh doanh |
| 05/2016 – 02/2018 | Công ty cổ phần Thương mại Mecta Thịnh Vượng | Phó Giám đốc                                            |
| 03/2018 - present | CTCP Tập đoàn                                | Thành viên HĐQT                                         |

|  |           |  |
|--|-----------|--|
|  | Thành Nam |  |
|--|-----------|--|

**2.1.3. Bà Bùi Thị Yến –Thành viên HĐQT – Trưởng phòng Pháp chế**

|                                                         |                                                   |
|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| <b>HỌ TÊN:</b>                                          | BÙI THỊ YẾN                                       |
| <b>SỐ CMND:</b>                                         | 113194146 do CA tỉnh Hòa Bình cấp ngày 16/02/2016 |
| <b>GIỚI TÍNH:</b>                                       | Nữ                                                |
| <b>NGÀY THÁNG NĂM SINH:</b>                             | 01/06/1986                                        |
| <b>NƠI SINH:</b>                                        | Hòa Bình                                          |
| <b>QUỐC TỊCH:</b>                                       | Việt Nam                                          |
| <b>DÂN TỘC:</b>                                         | Mường                                             |
| <b>ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ:</b>                              | Phố Vó, Nhân Nghĩa, Lạc Sơn, Hòa Bình             |
| <b>TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA:</b>                                | 12/12                                             |
| <b>TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN:</b>                             | Luật sư                                           |
| <b>CHỨC VỤ HIỆN NAY TẠI CÔNG TY ĐẠI CHỨNG:</b>          | Thành viên HĐQT - Trưởng phòng Pháp chế           |
| <b>CHỨC VỤ ĐANG NẤM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC:</b>           | Không                                             |
| <b>TỶ LỆ SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN CÁ NHÂN:</b>                | 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ                        |
| <b>TỶ LỆ SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN:</b> | 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ                        |
| <b>HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT:</b>                       | Không                                             |
| <b>CÁC KHOẢN NỢ ĐỐI VỚI CÔNG TY:</b>                    | Không                                             |
| <b>LỢI ÍCH CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHỨNG</b>   | Không                                             |
| <b>Quá trình công tác:</b>                              |                                                   |

|                  |                                       |                                               |
|------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 2010 - 2012      | Văn phòng Luật sư Hiến Đoàn           | Chuyên viên Pháp lý                           |
| 2012 - 2014      | Công ty cổ phần Thăng Long 5 Việt Nam | Chuyên viên Pháp chế -<br>Trợ lý ban Giám đốc |
| 2014 - 7/2017    | Công ty phần mềm và dịch vụ di động   | Trưởng phòng Pháp chế<br>- Giám đốc dự án     |
| 07/2017 - 9/2017 |                                       | Trưởng phòng Pháp chế                         |
| 9/2017 - nay     | CTCP Tập đoàn Thành Nam               | Thành viên HĐQT -                             |
|                  | CTCP Tập đoàn Thành Nam               | Trưởng phòng Pháp chế                         |

**2.1.4. Bà Hà Thị Hải Vân – Thành viên HĐQT - Giám đốc Tài chính – Kế toán trưởng**

|                                         |                                                                        |
|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| HỌ TÊN:                                 | HÀ THỊ HẢI VÂN                                                         |
| SỐ CMND:                                | 013459114 do CA Hà Nội cấp ngày 11/08/2011                             |
| GIỚI TÍNH:                              | Nữ                                                                     |
| NGÀY THÁNG NĂM SINH:                    | 15/12/1979                                                             |
| NƠI SINH:                               | Phủ Thọ                                                                |
| QUỐC TỊCH:                              | Việt Nam                                                               |
| DÂN TỘC:                                | Kinh                                                                   |
| ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ:                     | Xóm Giữa, xã Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội                             |
| TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA:                       | 12/12                                                                  |
| TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN:                    | Cử nhân khoa Kế toán - Tài chính của ĐH Thương mại                     |
| CHỨC VỤ HIỆN NAY TẠI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG: | Giám đốc Tài chính – Kế toán trưởng Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam |
| CHỨC VỤ ĐANG NẤM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC:  | Không                                                                  |
| TỶ LỆ SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN CÁ NHÂN:       | 8.000 CP, chiếm 0,015% vốn điều lệ                                     |

TỶ LỆ SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN CỦA NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN: 100 CP, chiếm 0,0005% vốn điều lệ

HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT: Không

CÁC KHOẢN NỢ ĐỐI VỚI CÔNG TY: Không

LỢI ÍCH CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CÔNG TY ĐẠI CHÚNG: Không

**Quá trình công tác:**

|                  |                                |                                                                               |
|------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 2001 - 2003      | CT TNHH Thương mại Thiên Giang | Kế toán tổng hợp                                                              |
| 2004 - 7/2011    | CT CP Sản xuất và XNK Đông Nam | Kế toán trưởng                                                                |
| 8/2011 - 4/2015  | A<br>Công ty TNHH MTV Tân Hà 2 | Kế toán trưởng                                                                |
| 5/2015 - 6/2017  | CTCP Tập đoàn Thành Nam        | Kế toán trưởng                                                                |
| 6/2017 - 9/2017  |                                | Thành viên HĐQT -<br>Trưởng phòng Tài chính                                   |
| 9/2017 - 11/2017 |                                | Thành viên HĐQT -<br>Trưởng phòng Tài chính -                                 |
| 11/2017 đến nay  |                                | Kế toán trưởng<br>Thành viên HĐQT - Giám<br>đốc Tài chính - Kế toán<br>trưởng |

**2.1.5. Ông Lê Đình Đáp - Thành viên HĐQT - không điều hành**

HỌ TÊN: LÊ ĐÌNH ĐÁP

SỐ CMND: 038074000132 cấp ngày 20/03/2015 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

GIỚI TÍNH: Nam

NGÀY THÁNG NĂM SINH: 19/02/1974

NƠI SINH: Hải Thanh, Tỉnh Gia, Thanh Hóa

QUỐC TỊCH: Việt Nam

|                                                     |                                                                        |
|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| DÂN TỘC:                                            | Kinh                                                                   |
| ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ:                                 | Số 2B4b, Tập thể Nghĩa Tân, Phường<br>Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội |
| TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA:                                   | 12/12                                                                  |
| TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN:                                | Kỹ sư xây dựng                                                         |
| CHỨC VỤ HIỆN NAY TẠI CÔNG<br>TY ĐẠI CHỨNG:          | Thành viên HĐQT Cty CP Tập đoàn<br>Thành Nam                           |
| CHỨC VỤ ĐANG NẪM GIỮ TẠI TỔ<br>CHỨC KHÁC:           | Không                                                                  |
| TỶ LỆ SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN CÁ<br>NHÂN:                | 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ                                             |
| TỶ LỆ SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN CỦA<br>NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN: | 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ                                             |
| HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT:                          | Không                                                                  |
| CÁC KHOẢN NỢ ĐỐI VỚI CÔNG TY:                       | Không                                                                  |
| LỢI ÍCH CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI<br>CÔNG TY ĐẠI CHỨNG   | Không                                                                  |

| Quá trình công tác: |                                                     |                                                                        |
|---------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 1996-2002           | Sở xây dựng TP Hà Nội                               | Trưởng Văn phòng Tư vấn Xây<br>dựng Nhà ở Hà Nội                       |
| 02/2003-10/2003     | Sở Xây dựng tỉnh Lạng<br>Sơn                        | Chuyên viên Phòng Quản lý Quy<br>hoạch                                 |
| 11/2003-2004        | Công ty CP 118                                      | Phó Phòng Kỹ thuật công nghệ thi<br>công                               |
| 2004-2009           | Công ty CP 118                                      | Phó Giám đốc thường trực BQLDA<br>nhà chung cư 151A Nguyễn Đức<br>Cảnh |
| 2007-2009           | Công ty TNHH Xây dựng<br>và Thương mại Trung<br>Yên | Phó Giám đốc                                                           |

|                                             |                                    |                                                                                                                     |
|---------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 11/2009-2010                                | Trung tâm cắt xẻ Inox<br>Thành Nam | Giám đốc Ban QLDA                                                                                                   |
| 08/2010-2011                                | Công ty cổ phần Đầu tư<br>Alphanam | Trưởng phòng Quản lý đầu tư                                                                                         |
| 2012-2014                                   | Công ty ISC Viên Chăn -<br>Lào     | Chỉ huy trưởng công trình                                                                                           |
| 09/2015-10/2017                             | Công ty CP Licogi 166              | Ủy viên HĐQT- Trợ lý TGĐ kiêm<br>Giám đốc Ban điều hành dự án xây<br>dựng cao tốc Hạ Long – Vân Đồn –<br>Quảng Ninh |
| 26/06/2017-<br>06/05/2019<br>06/05/2019-nay | CTCP Tập đoàn Thành<br>Nam         | Giám đốc Dự án<br><br>Thành viên HĐQT                                                                               |

## 2.2. Chính sách đối với người lao động

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2019, quy mô nhân sự của Tập đoàn Thành Nam là hơn 100 người. Với số lượng nhân sự trải dài khắp các tỉnh thành, việc quản lý và chăm lo cho lực lượng lao động là nhiệm vụ không hề đơn giản. Tuy nhiên, với hệ thống cấp bậc nhân sự, chính sách thang bảng lương rõ ràng và chế độ phúc lợi áp dụng chung cho cả Tập đoàn, tập thể CBCNV Thành Nam luôn được đảm bảo mọi quyền lợi theo quy định của nhà nước và nhiều chế độ phúc lợi khác, đồng thời có nhiều cơ hội thăng tiến khi nhiều lĩnh vực trong Tập đoàn đang mở rộng sản xuất kinh doanh.

### 2.2.1. Chế độ làm việc:

**Thời gian làm việc:** Thời gian làm việc bình thường của Công ty là 8 giờ/ngày, 44 giờ/tuần, làm việc từ thứ 2 đến hết sáng thứ 7, nghỉ chiều thứ 7 và chủ nhật. Giờ làm việc trong ngày được quy định cụ thể như sau:

Sáng: Từ 8h00 - 12h00;

Chiều: Từ 13h00 - 17h00;

Sáng thứ 7: Từ 8h00 – 12h00

Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh các nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và có đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

**Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết:** Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết 10 ngày theo quy định của Luật Lao động.

**Nghỉ ốm, thai sản:** Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành

**Điều kiện làm việc:** Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Công ty cũng trang bị đầy đủ, dụng cụ và đồ bảo hộ lao động cho CBNV làm việc tại công trường có yêu cầu về an toàn lao động. Riêng đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ và đúng quy định pháp luật các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động nhằm bảo đảm mức độ an toàn cao nhất cho người lao động.

## **2.2.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

### **2.2.2.1. Chính sách tuyển dụng**

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty, sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn phát triển lâu dài cho Công ty.

### **2.2.2.2. Chính sách đào tạo**

Đào tạo và phát triển nhân viên là một trong các công tác ưu tiên của Công ty. Chính sách đào tạo của Thành Nam có mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên thành thạo về nghiệp vụ, có đạo đức trong kinh doanh, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và nhiệt tình phục vụ khách hàng.

Trên cơ sở định hướng phát triển kinh doanh của Công ty và kế hoạch hàng năm, Chính sách đào tạo của Công ty được triển khai theo các loại hình đào tạo sau:

- Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ: dựa vào yêu cầu công việc và kết quả đánh giá, Công ty phân tích nhu cầu đào tạo và thiết kế các chương trình đào tạo

chuyên môn, kết hợp với các chuyên gia bên trong và bên ngoài (tổ chức đào tạo) để thực hiện.

- Đào tạo về quản lý: tương tự như đào tạo chuyên môn nghiệp vụ nhưng đặc biệt chú trọng đối với cán bộ thuộc diện quy hoạch và cán bộ được đề bạt lên vị trí cao hơn hoặc luân chuyển.
- Kèm cặp trong công việc: thực hiện thường xuyên, do các Phòng ban/Bộ phận trực tiếp thực hiện, người có kinh nghiệm được giao kèm cặp nhân viên mới.
- Thường xuyên đưa cán bộ công nhân viên đi dự các cuộc hội thảo, hội chợ ở nước ngoài, tham dự các khoá đào tạo về kỹ thuật sản phẩm bằng kinh phí của Công ty hoặc nguồn hỗ trợ của các đối tác và nhà cung cấp.

### **2.2.3. Chính sách đãi ngộ, phúc lợi**

#### **2.2.3.1. Chế độ lương**

Thành Nam tiếp tục áp dụng chế độ lương theo ngạch bậc và theo kết quả công việc. Năm 2019, Ban Giám đốc đã phê duyệt việc tăng đơn giá lương, tăng quỹ lương theo đúng lộ trình tăng lương định kỳ của Tập đoàn cho toàn thể CBCNV công ty phù hợp với năng lực chuyên môn và đề xuất nhu cầu từ người lao động, đảm bảo đời sống ổn định cho người lao động.

#### **2.2.3.2. Chế độ khen thưởng**

Ngoài nguồn thu nhập chính là lương, người lao động tại Công ty còn thường xuyên có cơ hội nhận khen thưởng khi có thành tích xuất sắc hoặc có sáng kiến cải tiến trong công việc... Chế độ khen thưởng cho nhân viên của Thành Nam gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng phục vụ, gồm các chế độ cơ bản như sau:

- Mỗi năm, nhân viên được thưởng tối thiểu 01 tháng lương, ngoài ra nhân viên còn được hưởng lương theo năng suất và thưởng hoàn thành công việc;
- Thưởng cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm; thưởng sáng kiến;
- Thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm thành lập công ty.

Chính sách này đã tạo động lực cho CBCNV tận tâm với công việc, đồng thời không ngừng phát huy năng lực, nâng cao năng lực, nâng cao chất lượng hiệu suất công việc. Từ đó, đóng góp vào sự phát triển chung của Tập đoàn.

#### **2.2.3.3. Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội:**

Tất cả nhân viên chính thức của Thành Nam đều được hưởng các phụ cấp và

bảo hiểm xã hội phù hợp với Luật Lao động. Ngoài ra, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên Công ty còn nhận được phụ cấp độc hại, phụ cấp rủi ro tiền mặt, phụ cấp chuyên môn... Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên nâng cao chính sách phúc lợi cho CBCNV bằng các trợ cấp đối với các nhân viên cưới hỏi, ốm đau – nằm viện, thai sản, nghỉ hưu, mất sức, chế độ tang chế... Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo cùng Công đoàn công ty luôn chú tâm phát triển phong trào văn thể mỹ và duy trì các hoạt động ngoại khóa như các giải thể thao, văn nghệ, sinh hoạt tập thể, tổ chức từ thiện giúp đỡ người nghèo...

#### **2.2.4. Hoạt động ngoại khóa – thể thao**

Các hoạt động tham quan, nghỉ mát, team building... cũng được triển khai tại tất cả các đơn vị, tạo điều kiện cho CBCNV có thời gian nghỉ ngơi, nạp năng lượng sau những giờ làm việc căng thẳng, đồng thời cũng là dịp để thắt chặt tinh thần đoàn kết trong công ty.

Đặc biệt phong trào thể dục thể thao vẫn là một nội dung được đặc biệt quan tâm tại Thành Nam, Hàng loạt giải đấu thể thao thuộc nhiều bộ môn như bóng đá, cầu lông được tổ chức quy củ và chuyên nghiệp trong nội bộ Tập đoàn trong suốt năm vừa qua, vừa là dịp để giao lưu giữa các đơn vị, nhà máy vừa là cơ hội để CBCNV thể hiện tài năng và bồi bổ sức khỏe.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

#### **a) Tình hình tài chính**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Chỉ tiêu                          | Năm 2018  | Năm 2019  | (+/-)<br>% tăng<br>giảm |
|-----------------------------------|-----------|-----------|-------------------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 1.004.062 | 1.322.082 | +32 %                   |
| Doanh thu thuần                   | 1.500.520 | 1.826.835 | +22 %                   |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 14.173    | 23.289    | 64%                     |
| Lợi nhuận khác                    | -216      | -397      | -46%                    |
| Lợi nhuận trước thuế              | 13.956    | 22.892    | +64%                    |
| Lợi nhuận sau thuế                | 10.171    | 17.902    | +76%                    |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        | 5%        | -         | -                       |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu                                                                   | Đơn vị | Năm 2018 | Năm 2019 | Ghi chú |
|--------------------------------------------------------------------------------|--------|----------|----------|---------|
| <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>                                         |        |          |          |         |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn:<br>TSLĐ/Nợ ngắn hạn                               | Lần    | 1,68     | 1,42     |         |
| + Hệ số thanh toán nhanh:<br><u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u><br>Nợ ngắn hạn         | Lần    | 1,11     | 0,97     |         |
| <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>                                                  |        |          |          |         |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                                        | Lần    | 0,43     | 0,56     |         |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                                      | Lần    | 0,77     | 1,26     |         |
| <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>                                          |        |          |          |         |
| + Vòng quay hàng tồn kho:<br><u>Giá vốn hàng bán</u><br>Hàng tồn kho bình quân | Vòng   | 6,07     | 4,94     |         |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản                                                 | Lần    | 1,49     | 1,38     |         |
| <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>                                           |        |          |          |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                                     | %      | 0,68     | 1        |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                                      | %      | 1,79     | 3,1      |         |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                                        | %      | 1,01     | 1,4      |         |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần                      | %      | 0,94     | 1,3      |         |

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Vốn điều lệ của công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019 là 525.000.000.000 đồng, chia thành 52.500.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cổ phần.

| Nội dung                                  | Số cổ phần tại thời điểm 31/12/2019 |
|-------------------------------------------|-------------------------------------|
| Số lượng cổ phần đang lưu hành            | 52.500.000                          |
| Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do      | 47.576.540                          |
| Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng | 4.923.460                           |

b) Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt tại ngày 18/03/2020 được cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)

Đơn vị tính: 10.000 VNĐ

| Danh mục                                                                                     | Cổ đông trong nước   |                            |              | Cổ đông nước ngoài   |                            |              | Tổng                 |                         |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------|--------------|----------------------|----------------------------|--------------|----------------------|-------------------------|-----------|
|                                                                                              | Số lượng<br>cổ phiếu | Giá trị<br>(nghìn<br>đồng) | Tỷ lệ<br>(%) | Số lượng<br>Cổ phiếu | Giá trị<br>(nghìn<br>đồng) | Tỷ lệ<br>(%) | Số lượng<br>Cổ phiếu | Giá trị (nghìn<br>đồng) | Tỷ lệ (%) |
| 1. Cổ đông Nhà nước:                                                                         | 0                    | 0                          | 0            | 0                    | 0                          |              | 0                    | 0                       | 0         |
| 2. Cổ đông nội bộ:<br>(Hội đồng Quản trị, Ban<br>Giám đốc, Ban Kiểm soát,<br>Kế toán trưởng) | 4.274.470            | 4.274.470                  | 8,142        | 0                    | 0                          | 0            | 4.274.470            | 4.274.470               | 8,14      |
| 3. Cổ đông trong công ty:<br>Cổ phiếu quỹ                                                    |                      |                            |              |                      |                            |              |                      |                         |           |
| Cán bộ công nhân viên                                                                        | 12.681.625           | 126.816.250                | 24,155       | 0                    | 0                          | 0            | 12.681.625           | 126.816.250             | 24,155    |
| 4. Cổ đông ngoài công ty:                                                                    | 35.450.695           | 354.596.950                | 67,525       | 93.210               | 932.100                    | 0,177        | 35.543.905           | 355.437.000             | 67,703    |
| Cá nhân                                                                                      | 35.450.660           | 354.506.600                | 67,525       | 4.550                | 45.600                     | 0,008        | 35.455.210           | 354.552.100             | 67,533    |
| Tổ chức                                                                                      | 35                   | 350                        | 0,0001       | 88.660               | 886.600                    | 0,169        | 88.695               | 886.950                 | 0,169     |

c) Cơ cấu tỷ lệ sở hữu theo danh sách chốt tại ngày 18/03/2020 được cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)

Đơn vị tính giá trị: 10.000 VNĐ

| Danh mục                                                      | Cổ đông trong nước   |                         |              | Cổ đông nước ngoài   |                            |              | Tổng                 |                         |              |
|---------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------|--------------|----------------------|----------------------------|--------------|----------------------|-------------------------|--------------|
|                                                               | Số lượng<br>cổ phiếu | Giá trị<br>(nghìn đồng) | Tỷ lệ<br>(%) | Số lượng<br>Cổ phiếu | Giá trị<br>(nghìn<br>đồng) | Tỷ lệ<br>(%) | Số lượng<br>cổ phiếu | Giá trị<br>(nghìn đồng) | Tỷ lệ<br>(%) |
| Cổ đông sáng<br>lập                                           | 3.481.000            | 34.810.000              | 6,63         | 0                    | 0                          | 0            | 3.481.000            | 34.810.000              | 6,63         |
| Cổ đông sở hữu<br>trên 5% cổ<br>phiếu có quyền<br>biểu quyết  | 6.163.600            | 61.636.000              | 11,74        | 0                    | 0                          | 0            | 6.163.600            | 61.636.000              | 11,74        |
| Cổ đông nắm<br>giữ dưới 1% cổ<br>phiếu có quyền<br>biểu quyết | 4.463.105            | 44.631.050              | 8,501        | 93.210               | 932.100                    | 0,178        | 4.556.315            | 45.563.150              | 8,679        |

d) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu tính đến ngày 31/12/2019:

| Thời gian | Vốn điều lệ trước khi phát hành (tỷ đồng) | Vốn điều lệ phát hành thêm (tỷ đồng) | Vốn điều lệ sau phát hành (tỷ đồng) | Hình thức thanh toán | Đối tượng phát hành                       | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----------|-------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 03/2018   | 210                                       | 315                                  | 525                                 | Chào bán cổ phần     | Phát hành cổ phiếu chào bán ra công chúng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 03/2017/NQ-ĐHCD ngày 19/09/2017 kèm tờ trình số 12/2017/TTr-ĐHĐCĐ về phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty</li> <li>- Nghị quyết số 22/2017/QĐ-HDQT ngày 29/09/2017 về triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty.</li> <li>- Nghị quyết số 1311/2017/QĐ-HDQT ngày 13/11/2017 về việc thông qua kế hoạch triển khai thực hiện dự án đầu tư và điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần.</li> <li>- Nghị quyết số 005/2018/NQ-</li> </ul> |

|  |  |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|--|--|--|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  |  |  |  | <p>HĐQT-TN ngày 08/03/2018 về việc thông qua kế hoạch triển khai thực hiện dự án đầu tư và điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 87/GCN-UBCK ngày 21/12/2017.</li> <li>- Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 1387/UBCK-QLCB ngày 08/03/2018 về việc chấp thuận kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của TNI.</li> <li>- Giấy chứng nhận lưu ký bổ sung số 37/2015/GCNCP-VSD-2 ngày 05/04/2018 về việc lưu ký bổ sung số cổ phần chào bán thêm.</li> <li>- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0101515686 thay đổi lần thứ 13 ngày 27/03/2018 với vốn điều lệ 525 tỷ đồng.</li> </ul> |
|--|--|--|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

e) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

f) Các chứng khoán khác: Không

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận của từng nhóm sản phẩm qua các năm 2018 - 2019

*ĐVT: triệu đồng*

| TT          | Hoạt động             | Năm 2018         |             | Năm 2019         |             |
|-------------|-----------------------|------------------|-------------|------------------|-------------|
|             |                       | Doanh thu        | Tỷ trọng    | Doanh thu        | Tỷ trọng    |
| 1           | Thương mại và dịch vụ | 1.500.523        | 100%        | 1.826.835        | 100%        |
| 2           | Khác                  | -                |             | -                |             |
| <b>Tổng</b> |                       | <b>1.500.523</b> | <b>100%</b> | <b>1.826.835</b> | <b>100%</b> |

*ĐVT: triệu đồng*

| TT          | Hoạt động             | Năm 2018             |             | Năm 2019             |             |
|-------------|-----------------------|----------------------|-------------|----------------------|-------------|
|             |                       | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ trọng    | Lợi nhuận Trước thuế | Tỷ trọng    |
| 1           | Thương mại và dịch vụ | 13.956               | 100%        | 22.892               | 100%        |
| 2           | Khác                  | -                    |             |                      |             |
| <b>Tổng</b> |                       | <b>13.956</b>        | <b>100%</b> | <b>22.892</b>        | <b>100%</b> |

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

- Các hợp đồng lớn đang thực hiện và đã ký kết: năm 2019

| TT | Đối tác                                            | Nội dung      | Giá trị        | Thời gian ký hợp đồng | Thời hạn thực hiện |
|----|----------------------------------------------------|---------------|----------------|-----------------------|--------------------|
| 1  | Công Ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh | Nhập mua hàng | 51.892.500.000 | 29/10/2019            | 31/12/2019         |
| 2  | Hangzhou cogeneration (Hong Kong) Company limited  | Nhập mua hàng | 297.055 USD    | 22/08/2019            | 30/09/2019         |
| 3  | Công Ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh | Nhập mua hàng | 11.038.500.000 | 23/01/2019            | 31/03/2019         |
| 4  | Công Ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp                 | Nhập mua hàng | 21.260.800.000 | 28/02/2019            | 30/04/2019         |

| TT | Đối tác                                            | Nội dung      | Giá trị        | Thời gian ký hợp đồng | Thời hạn thực hiện |
|----|----------------------------------------------------|---------------|----------------|-----------------------|--------------------|
|    | Formosa Hà Tĩnh                                    |               |                |                       |                    |
| 5  | Công ty cổ phần China steel Sumikin Việt Nam       | Nhập mua hàng | 17.909.100.000 | 11/02/2019            | 28/02/2019         |
| 6  | Toste Co.,LTD                                      | Nhập mua hàng | 124.000 USD    | 25/05/2019            | 31/08/2019         |
| 7  | Công Ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh | Nhập mua hàng | 26.884.000.000 | 26/07/2019            | 30/09/2019         |
| 8  | Công Ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh | Nhập mua hàng | 34.931.050.000 | 24/12/2019            | 29/02/2020         |
| 9  | Công ty cổ phần China steel Sumikin Việt Nam       | Nhập mua hàng | 4.353.600.000  | 17/12/2019            | 28/02/2020         |

- Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2018 và 31/12/2019

Đvt: triệu đồng

| TT | Khoản mục                | 31/12/2018 |                 |                             | 31/12/2019 |                 |                             |
|----|--------------------------|------------|-----------------|-----------------------------|------------|-----------------|-----------------------------|
|    |                          | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Giá trị còn lại/ nguyên giá | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Giá trị còn lại/ nguyên giá |
| 1  | Tài sản cố định hữu hình | 17.255     | 4.502           | 0.26                        | 18.136     | 4.179           | 0.23                        |
| 1  | Nhà cửa, vật kiến trúc   | 2.902      | 1.708           | 0.58                        | 2.902      | 1.515           | 0.52                        |
| 2  | Máy móc thiết bị         | 187        | 0               | 0                           | 187        | 0               | 0                           |
| 3  | Phương tiện vận chuyển   | 13.451     | 2.794           | 0.20                        | 13.451     | 1.800           | 0.13                        |
| 4  | Tài sản cố định          | 713        | 0               | 0                           | 1594       | 864             | 0.54                        |

|                         |                            |             |               |              |               |              |             |
|-------------------------|----------------------------|-------------|---------------|--------------|---------------|--------------|-------------|
|                         | khác                       |             |               |              |               |              |             |
| II                      | Tài sản cố định<br>vô hình | 347         | 36            | 0.10         | 1.033         | 696          | 0.67        |
| 1                       | Nhãn hiệu hàng<br>hóa      | 49          | 36            | 0.73         | 49            | 32,7         | 0.67        |
| 2                       | Phần mềm máy<br>tính       | 297         | 0             | 0            | 983           | 664          | 0.68        |
| <b>Tổng cộng (I+II)</b> |                            | <b>0.44</b> | <b>17.602</b> | <b>4.538</b> | <b>19.169</b> | <b>4.875</b> | <b>0.25</b> |

- Tình hình đất đai đang sử dụng đến thời điểm hiện nay:

### 3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

#### Kế hoạch lợi nhuận năm 2020

Đvt: tỷ đồng

| CHỈ TIÊU                        | Năm 2019 | Năm 2020     |                          |
|---------------------------------|----------|--------------|--------------------------|
|                                 |          | Kế hoạch     | Tăng giảm so<br>với 2019 |
| Doanh thu thuần (tỷ đồng)       | 1.827    | <b>1.918</b> | 5%                       |
| Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)    | 17.9     | <b>18.7</b>  | 0.4%                     |
| Tỷ lệ lợi nhuận/Doanh thu thuần | 1 %      | 1%           | 0%                       |
| Tỷ lệ lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu  | 3,1 %    | 3,2%         | 3%                       |
| Cổ tức (%)                      | -        | -            | -                        |

#### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

- Năm 2019 là một năm vẫn còn nhiều thử thách trong hoạt động kinh doanh của công ty do nền kinh tế thế giới đang trên đà hồi phục sau suy thoái. Tuy vậy, HĐQT công ty nhanh chóng đốc sức triển khai, phối hợp và chỉ đạo với Ban Giám đốc công ty thực hiện nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ và tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- Ban lãnh đạo công ty và toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đồng lòng nhất trí quán triệt các chính sách tiết kiệm nhằm thực hiện tốt nhất kế hoạch đề ra trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phức tạp.

**V. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty trong năm 2019**

- Ban Tổng giám đốc công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo đúng các định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị:
  - + Nghiêm túc thực hiện các Nghị quyết HĐQT
  - + Chủ động đề xuất các phương án biện pháp khắc phục khó khăn
- Tổng giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành tốt vai trò của mình thể hiện qua các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT. Các chủ trương, chỉ đạo mà HĐQT đưa ra cũng được Ban điều hành triển khai đầy đủ, kịp thời và báo cáo chỉ tiết kết quả thực hiện với tính thần trách nhiệm cao.

**VI. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Kế hoạch lợi nhuận năm 2020 và căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận:

*DVT: tỷ đồng*

| CHỈ TIÊU                        | Thực hiện năm<br>2019 | Năm 2020 |                              |
|---------------------------------|-----------------------|----------|------------------------------|
|                                 |                       | Kế hoạch | Tăng giảm so<br>với 2019 (%) |
| Doanh thu thuần (tỷ đồng)       | 1,827                 | 1,918    | 5%                           |
| Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)    | 17,9                  | 18,7     | 0,4%                         |
| Tỷ lệ lợi nhuận/Doanh thu thuần | 1%                    | 1%       | 0%                           |
| Tỷ lệ lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu  | 3,1%                  | 3,2%     | 3%                           |
| Cổ tức (%)                      | -                     | -        | -                            |

**Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận nói trên:**

Năm 2020, những rủi ro và thách thức từ kinh tế toàn cầu vẫn tiếp diễn, căng thẳng địa chính trị, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tiếp tục nhiều đàm phán kéo dài, dịch bệnh Covid 19 lan rộng khắp mọi nơi trên thế giới, tâm lý dè dặt lan tỏa, kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, dịch bệnh ở người và động vật đang ảnh hưởng không nhỏ tới mục tiêu kiểm soát lạm phát và cả mục tiêu tăng trưởng kinh tế.

Do vậy, kế hoạch lợi nhuận năm 2020 của Công ty được xây dựng trên cơ sở diễn biến thị trường thép Việt Nam năm 2019 và dự báo thị trường trong năm 2020. Cụ thể:

- Quản trị tốt hàng tồn kho, theo sát diễn biến giá nguyên liệu, có chính sách điều tiết hợp lý
- Cập nhật biến động tình hình kinh tế thế giới và trong nước, đặc biệt tỷ giá, lãi suất để có chính sách điều hành dòng tiền hiệu quả
- Tập trung các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid 19, đồng thời duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục, đảm bảo kế hoạch đặt ra và tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động

## VII. Về vấn đề Quản trị công ty

### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

| STT | Thành viên HĐQT   | Chức vụ  | Tỷ lệ SH | Ghi chú                    |
|-----|-------------------|----------|----------|----------------------------|
| 1   | Nguyễn Hùng Cường | Chủ tịch | 6,63%    | Thành viên điều hành       |
| 2   | Bùi Thị Yên       | Ủy viên  | 0%       | Thành viên điều hành       |
| 3   | Hà Thị Hải Vân    | Ủy viên  | 0,015%   | Thành viên điều hành       |
| 4   | Lê Thị Thu Thanh  | Ủy viên  | 0,00038% | Thành viên điều hành       |
| 5   | Lê Đình Đáp       | Ủy viên  | 0%       | Thành viên không điều hành |

Cơ cấu của Hội đồng quản trị (HĐQT): 01 (một) thành viên HĐQT không điều hành, 04 (bốn) thành viên HĐQT điều hành.

### b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

### c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2019, HĐQT công ty đã tổ chức một số phiên họp tập trung và phiên họp xin ý kiến bằng văn bản, đã ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan để chỉ đạo, hỗ trợ thực hiện và giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế để đề ra các quyết sách có liên quan đến hoạt động kinh doanh và tổ chức của công ty, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Tổng giám đốc thực hiện hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong thời gian qua. Các cuộc họp đều được tổ chức theo đúng quy định, các Biên bản và Nghị quyết của HĐQT được thông qua và ban hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**Kết quả các cuộc họp của HĐQT công ty như sau:**

| ST<br>T | Số văn bản           | Ngày văn<br>bản | Nội dung thông qua                                                                                                                                      |
|---------|----------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1       | 001/2019/QĐ-HĐQT-TN  | 03/01/2019      | Bổ nhiệm chức vụ Giám đốc văn phòng                                                                                                                     |
| 2       | 002/2019/QĐ-HĐQT-TNI | 07/01/2019      | Xin tái cấp hạn mức tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Thành An                                                                               |
| 3       | 003/2019/QĐ-HĐQT-TNI | 07/03/2019      | Xin tái cấp hạn mức tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín Việt Nam – CN Thủ Đức                                                                         |
| 4       | 004/2019/QĐ-HĐQT-TNI | 12/03/2019      | Phê duyệt phân giá trị L/C vượt mức giá trị L/C đăng ký tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín Việt Nam – CN Thủ Đức và ủy quyền người đại diện ký hồ sơ |
| 5       | 005/2019/QĐ-HĐQT-TNI | 26/03/2019      | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2019                                              |
| 6       | 010/2019/QĐ-HĐQT-TNI | 24/04/2019      | Ủy quyền ký các tài liệu họp của Đại hội và đảm nhận vai trò chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019                                 |
| 7       | 011/2019/QĐ-HĐQT-TNI | 15/05/2019      | Xin tái cấp hạn mức tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín Việt Nam – CN Thủ Đức                                                                         |
| 8       | 012/2019/NQ-HĐQT-TNI | 10/07/2019      | Đề nghị tái cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng                                                                                                          |
| 9       | 015/2018/NQ-HĐQT-TNI | 30/08/2019      | Ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký Hợp đồng bảo lãnh Ngân hàng                                                                                               |
| 10      | 017/2018/NQ-HĐQT-TNI | 18/10/2019      | Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty                                                                                                               |
| 11      | 018/2018/NQ-HĐQT-TNI | 16/12/2019      | Chấm dứt Hoạt động chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh                                                                                                        |
| 12      | 020/2018/NQ-HĐQT-TN  | 24/12/2019      | Chấp thuận cho Công ty con vay vốn tại Ngân hàng                                                                                                        |

- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Không có
- e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có
- f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không
- g) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

### VIII. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

| STT | Thành viên BKS       | Chức vụ    | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết |
|-----|----------------------|------------|------------------------------------------|
| 1   | Trần Thị Hương Giang | Trưởng ban | 0,0002 %                                 |
| 2   | Nguyễn Giang Thanh   | Ủy viên    | 0 %                                      |
| 3   | Nguyễn Hồng Vân      | Ủy viên    | 1,495 %                                  |

Cơ cấu của của Ban kiểm soát: 03 thành viên không điều hành

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2019, Ban kiểm soát công ty đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Giám đốc theo sát việc ban hành, triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Bên cạnh đó, BKS cũng tham gia kiểm tra giám sát hoạt động kiểm toán, kiểm soát nội bộ tại Tập đoàn, đảm bảo hoạt động của bộ máy tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và quy chế Quản trị của Tập đoàn, Trong năm, BKS đã triển khai thực hiện các công việc sau đây:

- Tổ chức họp Ban kiểm soát để thống nhất kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2019
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, nắm bắt kịp thời thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các dự án, giám sát việc thực hiện các NQ của ĐHĐCĐ và HĐQT
- Giám sát và đưa ra ý kiến về việc thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh nhằm đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Tập đoàn
- Triển khai làm việc với công ty kiểm toán để kiểm tra, soát xét báo cáo tài chính năm 2019, thẩm định công tác quản lý/điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT/Ban TGD; kiểm soát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và các Nghị quyết của HĐQT công ty.
- Các hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 đã giúp cho công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật trên các lĩnh vực kinh doanh.

## IX. Báo cáo tài chính năm 2019 và Báo cáo tài chính năm 2019 hợp nhất

a. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP và được thẩm định bởi Ban kiểm soát công ty.

Kết quả kiểm toán, thẩm định của các đơn vị liên quan cho thấy rằng:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

b. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2019 và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được CBTT theo đúng quy định.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

*Nơi nhân:*

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở GD&ĐT TP. HCM
- Lưu PCNB.



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Hùng Cường

